

Bản án số: 33/2022/ HNGĐ-ST

Ngày 10/6/2022

V/v: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG
Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn La, ông Nguyễn Quang Vinh

Thư ký phiên tòa: chị Vũ Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa: chị Đồng Thị Toàn - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang.

Trong ngày 10/6/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 97/2022/TLST-HNGĐ ngày 06/4/2022 về việc tranh chấp Hôn nhân và Gia đình; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2022/QĐTS- HNGĐ ngày 27/5/2022, giữa:

* **Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Đức M, sinh năm 1979.

ĐKKHKT: Số nhà 200, đường H, thị trấn V , huyện C, tỉnh Bắc Giang.(Có mặt).

* **Bị đơn:** Chị Thân Thị Hồng Nh, sinh năm 1987.

ĐKKHKT: Số nhà 200, đường H, thị trấn V , huyện C, tỉnh Bắc Giang.

Hiện cư trú tại: Thôn P, thị trấn V , huyện C, tỉnh Bắc Giang.(Có mặt).

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Nguyễn Thị Thanh Th, sinh năm 1974.

2. Anh Trần Đức L , sinh năm 1971.

Đều địa chỉ: Số nhà 180, đường H, thị trấn V , huyện C, tỉnh Bắc Giang. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn anh Nguyễn Đức M trình bày: Anh và chị Nh kết hôn ngày 03/02/2009 trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã P (nay là thị trấn V), huyện C. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hoà thuận hạnh phúc, đến khoảng năm 2020 thì vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách vợ chồng không hợp nhau, hay bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng hay cãi nhau. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 9/2020 đến nay, không còn quan hệ tình cảm gì với nhau. Nay xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị Toà án giải quyết ly hôn với chị Nh.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Đức Minh T , sinh 01/10/2010; Nguyễn Bình A , sinh ngày 13/10/2014 Vợ chồng ly hôn thỏa thuận anh nuôi con Nguyễn Đức Minh T , chị Nh nuôi con Nguyễn Bình A . Về cấp dưỡng nuôi con: Vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Công nợ chung: Không có.

- Đối với yêu cầu khởi kiện của chị Th yêu cầu anh và chị Nh phải trả chị Th số tiền 300.000.000đồng mà chị Nh đã vay của chị Th thì anh không đồng ý trả chị Th cùng với chị Nh, lý do: Sau khi nhận được thông báo thụ lý vụ án anh mới biết chị Nh vay tiền của chị Th, nhà anh và nhà chị Th sát nhà nhau, chưa bao giờ chị Th sang nói với anh về việc chị Nh vay tiền chị Th, chị Nh vay tiền thời gian nào, sử dụng vào mục đích gì anh không biết, anh và chị Nh đã ly thân từ cuối năm 2020, chị Nh không sử dụng vào mục đích chung của gia đình. Chị Nh vay tiền chị Th thì chị Nh có nghĩa vụ trả tiền cho chị Th.

* Bị đơn chị Thân Thị Hồng Nh trình bày: Chị xác nhận về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn như anh M trình bày là đúng. Quá trình vợ chồng chung sống, thời gian đầu vợ chồng chung sống thuận hoà, hạnh phúc, nhưng đến năm 2020 thì vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn như anh M trình bày là đúng. Nay vợ chồng đã ly thân từ tháng 9/2020 đến nay, anh M đề nghị Toà án giải quyết ly hôn chị đồng ý.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Đức Minh T, sinh 01/10/2010; Nguyễn Bình A , sinh ngày 13/10/2014 Vợ chồng ly hôn thỏa thuận anh M nuôi con Nguyễn Đức Minh T , chị nuôi con Nguyễn Bình A .

Về cấp dưỡng nuôi con: Vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Công nợ chung: Không có.

- Về nợ riêng: Chị có vay của chị Th sát nhà số tiền 300.000.000đồng vào ngày 20/08/2021 chị trực tiếp vay tiền nhận tiền, anh M không biết vì lúc đó vợ chồng đã sống ly thân, trong mẫu giấy có ghi giải quyết công việc gia đình thì đây là mẫu của chị Th soạn sẵn, khi vay không thoả thuận lãi xuất nhưng thoả thuận miệng 12.000.000đồng tiền lãi /tháng (4%/ tháng), vay để giải quyết việc riêng của chị, chị vay tiền hùn vốn làm ăn với người khác nhưng bị lừa hết. Quá trình vay chị đã trả được tổng là 74.000.000đồng, cụ thể: Ngày 20/09/2021 trả 12.000.000đồng; Ngày 20/10/2021 trả 12.000.000đồng; Ngày 20/11/2021 trả 12.000.000đồng; Ngày 19/12/2021 trả 12.000.000đồng; Ngày 19/01/2022 trả 12.000.000đồng; Ngày 21/02/2022 trả 3.000.000đồng; Ngày 28/02/2022 trả 9.000.000đồng; Ngày

21/03/2022 trả 2.000.000đồng. Chị vay chị sẽ có trách nhiệm trả tiền cho chị Th, anh M không liên quan đến số tiền chị vay của chị Th nên anh M không có nghĩa vụ phải trả tiền cho chị Th. Đối với số tiền lãi chị đã trả chị đề nghị trừ vào nợ lãi theo theo lãi xuất 10%/ năm, còn lại trừ vào tiền gốc tại các thời điểm chị đã trả tiền chị Th. Tổng số tiền chị có vay của chị Th là 720.000.000đồng, chị đã trả 400.000.000đồng cả gốc và lãi, còn số tiền 20.000.000đồng chị Th chưa đòi chị. Ngoài ra chị không vay của chị Th bất kỳ số tiền nào khác.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Thanh Th trình bày: Chị và chị Nh gần nhà nhau, ngày 20/08/2021 chị Nh có vay của chị số tiền 300.000.000đồng, lý do để phát triển kinh tế gia đình, nên chị không cần anh M sang ký nhận nợ, thời hạn vay 01 tháng, lãi xuất thoả thuận theo ngân hàng, khi vay chị Nh sang vay và nhận tiền, anh M không sang vay tiền và không nhận tiền, chị cũng chưa bao giờ bảo anh M phải sang ký vay tiền, chị cũng chưa bao giờ bảo anh M phải trả chị tiền. Sau khi vay tiền chị Nh có mua xe, mua đất hay sử dụng vào việc gia đình hay không thì chị không biết. Nay chị yêu cầu anh M và chị Nh phải trả chị số tiền 300.000.000đồng. Về việc chị Nh trình bày có trả lãi mỗi tháng 12.000.000đồng theo lãi xuất 4%/ tháng, chị có nhận của chị Nh số tiền 74.000.000đồng nhưng là trả lãi của khoản vay khác, hiện nay chị không có giấy tờ của khoản vay đó, chị yêu cầu chị Nh, anh M phải trả lãi từ ngày vay cho đến khi xét xử theo lãi xuất có thoả thuận 1,7%/ tháng.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Trần Đức L trình bày: Ngày 20/08/2021 vợ chồng anh có cho chị Nh vay số tiền 300.000.000đồng, vợ anh là chị Th trực tiếp cho chị Nh vay tiền, sau khi vay xong chị Nh không trả được như thoả thuận. Nay vợ anh chị Th khởi kiện anh đồng ý với yêu cầu của chị Th và không bổ sung gì thêm.

Quá trình giải quyết vụ án chị Th có đơn đề nghị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời tài sản của chị Nh, Toà án đã có thông báo sửa đổi, bổ sung đơn yêu cầu nhưng chị Th không sửa đổi, bổ sung theo yêu cầu nên Toà án không áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời.

Quá trình giải quyết vụ án Toà án có tiền hành thủ tục hoà giải nhưng các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay: Anh M trình bày anh vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn với chị Nh, con chung anh xin nuôi con Nguyễn Đức Minh T n, chị Nh nuôi con Nguyễn Bình A , về yêu cầu của chị Th anh không đồng ý, chị Nh vay trong thời gian vợ chồng ly thân, chị Nh có thuê nhà ở ngoài sống từ cuối

năm 2020, có đón con đi ở cùng nhưng chỉ có cháu A ở cùng, thỉnh thoảng chị Nh về thăm con, anh chưa bao giờ được chị Th thông báo chị Nh có vay tiền chị Th, anh cũng không biết chị Nh vay tiền để làm gì, anh không đồng ý trả tiền chị Th.

Bị đơn chị Nh trình bày: Về hôn nhân và con chung chị đồng ý với yêu cầu khởi kiện của anh M. Về số nợ với chị Th chị có vay chị Th số tiền 300.000.000đồng, chị trực tiếp vay tiền, nhận tiền, anh M không biết và lúc đó vợ chồng đã ly thân, chị thuê ki ốt ở riêng, thỉnh thoảng về nhà thăm con, số tiền vay chị sử dụng để đầu tư góp vốn cùng người khác nhưng bị lừa hết, không sử dụng vào việc của gia đình, sau khi vay tiền hàng tháng trả lãi đầy đủ mỗi tháng 12.000.000đồng, tổng số tiền đã trả chị Th 74.000.000đồng, nay chị đề nghị số tiền chị đã trả thì tính vào trả lãi từ khi vay đến hết 20/04/2022 theo lãi suất 10%/năm, còn lại đối trừ vào nợ gốc tại thời điểm 20/04/2022, anh M không vay nên không có nghĩa vụ trả nợ cùng chị cho chị Th.

Người liên quan chị Th trình bày: Chị có cho chị Nh vay số tiền 300.000.000đồng, chị Nh trực tiếp vay tiền, nhận tiền, chưa bao giờ chị thông báo hay đòi tiền anh M đối với khoản vay chị Nh vay, thời gian vay tiền chị không thấy chị Nh, anh M phát triển được tài sản gì, do chị Nh vay tiền trong thời gian là vợ chồng với anh M nên chị yêu cầu anh M có nghĩa vụ cùng chị Nh trả tiền cho chị, số tiền 74.000.000đồng chị Nh trả chị là trả lãi cho khoản vay khác nữa, chị chưa có giấy tờ cung cấp cho Tòa án, chị không đồng ý trừ vào tiền gốc, chị yêu cầu chị Nh, anh M phải trả đủ 300.000.000đồng nợ gốc và nợ lãi là 1,7%/ tháng.

Người liên quan anh L trình bày: Đồng ý với lời trình bày của chị Th và không bổ sung gì thêm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang tham gia phiên tòa:

* Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình điều tra giải quyết vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện nghiêm túc, đúng theo quy định của pháp luật. Bị đơn, người liên quan thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

* Về quan điểm giải quyết vụ án:

1 . Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh M:

- Về quan hệ vợ chồng: Anh Nguyễn Đức M và chị Thân Thị Hồng Nh thuận tình ly hôn

- Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Đức M nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Đức Minh T , sinh 01/10/2010; Giao cho chị Thân Thị Hồng Nh nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Bình A , sinh ngày 13/10/2014.

- Về tài sản chung: Không xem xét, giải quyết.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Th:

Buộc chị Thân Thị Hồng Nh phải trả cho chị Nguyễn Thị Thanh Th, anh Trần Đức L số tiền 249.321.700đồng. (Hai trăm bốn mươi chín triệu, ba trăm hai mươi một ngàn, bảy trăm đồng), trong đó tiền gốc 245.920.000đồng, tiền lãi 3.401.700đồng.

3.Án phí: Anh Nguyễn Đức M, chị Thân Thị Hồng Nh, chị Nguyễn Thị Thanh Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khiTh luận, nghị án Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Đơn khởi kiện của anh Nguyễn Đức M cùng các tài liệu nộp kèm theo đơn là hợp lệ, đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2].Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình. Chị Nh có hộ khẩu tại Thị trấn V , huyện C, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C.

[3].Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng; Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 06/04/2022 Toà án nhân dân huyện Lạng Giang thụ lý vụ án số: 97/2022/TLST- HNGĐ về tranh chấp Hôn nhân gia đình; Ngày 07/04/2022 Toà án huyện Lạng Giang đã thụ lý vụ án số: 43/2022/TLST- DS về tranh chấp Hợp đồng vay tài sản, Ngày 08/04/2022 Chánh án Toà án nhân dân huyện Lạng Giang đã có Quyết định nhập vụ án số: 01/2022/QĐST- DS, theo quy định tại Điều 42 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4].Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Đức M và chị Thân Thị Hồng Nh đã đăng ký kết hôn vào ngày 03/02/2009 tại UBND xã P (nay là thị trấn V), huyện C.Việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó quan hệ hôn nhân giữa anh M và chị Nh là hợp pháp.

Về tình trạng hôn nhân thì thấy: Lời khai của anh M về việc vợ chồng có mâu thuẫn, vợ chồng thường cãi nhau và đã sống ly thân phù hợp với lời khai của chị Nh về việc vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân, tại Toà án anh M xin ly hôn, chị Nh đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy: Trong thời gian sống chung vợ chồng anh M, chị Nh không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ, vợ chồng không thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ mọi việc, không giữ gìn, bảo vệ hạnh phúc gia đình, mâu thuẫn trầm trọng dẫn đến vợ chồng sống ly thân, việc này trái với các quy định tại các Điều 19, 21 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Từ những phân tích trên, căn cứ theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 8 Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn về căn cứ cho ly hôn thì thấy rằng: Tình trạng của vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần công nhận việc thuận tình ly hôn giữa anh M và chị Nh.

[5]. Về con chung: Vợ chồng anh M, chị Nh có 02 con chung là Nguyễn Đức Minh T, sinh 01/10/2010; Nguyễn Bình A, sinh ngày 13/10/2014, quá trình giải quyết vụ án anh M và chị Nh đã có thoả thuận về con chung, anh M nuôi con Nguyễn Đức Minh T, chị Nh nuôi con Nguyễn Bình A, quá trình giải quyết vụ án 02 con của chị Nh anh M có ý kiến: Cháu Nguyễn Đức Minh T có nguyện vọng ở với bố, cháu Nguyễn Bình A có nguyện vọng được ở với mẹ. Đối với yêu cầu nuôi con của chị Nh, anh M thì thấy: Hiện nay, các con đều trên 07 tuổi, chị Nh, anh M đều có thu nhập, có điều kiện nuôi con. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có quy định “...nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên phải xem xét nguyện vọng của con...” để đảm bảo điều kiện chăm sóc tốt và để ổn định cuộc sống cho các con nên cần công nhận sự thoả thuận của anh M và chị Nh, giao con Nguyễn Đức Minh T, sinh 01/10/2010 cho anh M nuôi dưỡng và giao con Nguyễn Bình A, sinh ngày 13/10/2014 cho chị Nh nuôi dưỡng là phù hợp.

Anh M, chị Nh có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai có quyền cản trở anh M, chị Nh thực hiện quyền này.

Anh M, chị Nh có quyền làm đơn đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6]. Về tài sản chung: Anh M, chị Nh tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7.]. Về công nợ: Đối với yêu cầu của chị Th về việc yêu cầu chị Nh, anh M phải trả số tiền nợ 300.000.000đồng chị Nh vay chị Th vào ngày 20/08/2021. Quá trình giải quyết vụ án chị Nh có trình bày trong thời gian vay tiền chị Nh đã trả được cho chị Th tổng số 74.000.000đồng, chị Nh đề nghị số tiền chị đã trả thì trừ vào tiền lãi từ thời điểm vay cho đến thời điểm chị Th khởi kiện (ngày 20/04/ 2022) còn lại trừ vào tiền nợ gốc, theo lãi suất 10%/ năm (tức 0,83%/ tháng). Chị Th cũng thừa nhận có nhận của chị Nh số tiền 74 triệu đồng nhưng đây là tiền lãi của khoản vay khác, Tòa án đã tiến hành đối chất chị Th không xuất trình được tài liệu chứng M về việc chị Nh trả lãi của khoản vay khác. Đối với yêu cầu thanh toán nợ gốc của chị Th thì thấy: Chị Nh có thừa nhận vay tiền chị Th, chị Th thừa nhận đã nhận số tiền 74.000.000đồng của chị Nh, như vậy chị Nh hàng tháng có thanh toán tiền lãi cho chị Th, chị Nh vay số tiền 300.000.000đồng tiền lãi theo lãi suất 0,83%/ tháng thì mỗi tháng chị Nh phải thanh toán cho chị Th số tiền lãi là: 2.490.000đồng, chị Nh vay từ tháng 08/2021 đến ngày 20/04/2022 là 08 tháng x 2.490.000đồng = 19.920.000đồng. Số tiền đã trả 74.000.000đồng - 19.920.000đồng = 54.080.000đồng được trừ vào nợ gốc 300.000.000đồng - 54.080.000đồng = 245.920.000đồng tiền nợ gốc. Đến ngày 20/04/2022 chị Nh còn nợ chị Th 245.920.000đồng tiền nợ gốc.

Về việc chị Th yêu cầu anh M có nghĩa vụ cùng với chị Nh phải trả chị Th số tiền nợ gốc thì thấy, quá trình giải quyết vụ án chị Nh trình bày việc chị Nh vay tiền là của cá nhân chị Nh, chị Nh vay tiền để đầu tư nhưng bị lừa hết, thời điểm đó chị Nh và anh M đã ly thân, chị thuê nhà ở ngoài, anh M không biết chị vay tiền của chị Th, một mình chị vay tiền và hàng tháng chị trả lãi chị Th, chị Th có trình bày, nhà chị và nhà anh M sát nhà nhau, việc vay tiền chị Nh trực tiếp vay, nhận tiền, chị chưa

bao giờ sang yêu cầu anh M phải cùng chị Nh trả tiền chị, chị cũng chưa bao giờ nói với anh M về việc chị Nh vay tiền, anh M không biết chị Nh có vay tiền chị Th, trong thời gian chị Nh vay tiền chị Th cũng không thấy gia đình chị Nh phát triển thêm tài sản gì, lời khai của chị Nh và chị Th phù hợp với lời trình bày của anh M tại Toà án về việc chưa bao giờ chị Nh hay chị Th nói với anh M về việc chị Nh vay tiền, chị Nh sử dụng tiền vay như thế nào anh M không biết, đến khi Toà án thông báo thụ lý anh mới biết chị Nh có vay tiền chị Th, anh M không đồng ý cùng với chị Nh trả tiền chị Th. Đối với việc chị Th yêu cầu chị Nh anh M cùng có nghĩa vụ thanh toán trả nợ thì thấy, theo quy định tại Điều 45 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 về nghĩa vụ riêng về tài sản của vợ chồng thì: Vợ chồng có nghĩa vụ riêng về tài sản từ giao dịch do một bên xác lập, thực hiện không vì nhu cầu của gia đình. Việc chị Nh vay tiền không phải phục vụ cho nhu cầu của gia đình, anh M là chồng không biết về việc chị Nh sử dụng số tiền vay như thế nào, nên anh M không có nghĩa vụ cùng chị Nh thanh toán nợ cho chị Th. Chị Th yêu cầu chị Nh phải thanh toán 300.000.000đồng nợ gốc, tuy nhiên chị Nh đã thanh toán trả chị Th 74.000.000đồng, sau khi trừ tiền lãi số tiền đã thanh toán sẽ được đối trừ vào nợ gốc, nên chị Nh có nghĩa vụ thanh toán cho chị Th số tiền nợ gốc còn lại là 245.920.000đồng (tính đến ngày 21/04/2022) là có căn cứ được chấp nhận phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 463; Điều 466 và Điều 469 Bộ luật dân sự.

[8]. Về tiền lãi chị Th yêu cầu chị Nh phải thanh toán tiền lãi từ khi vay cho đến khi xét xử sơ thẩm theo lãi xuất 1,7%/ tháng. Đối với yêu cầu tính lãi thì thấy, chị Nh đã thanh toán tiền lãi đến hết 20/04/2022, từ 21/04/2022 đến khi xét xử là 10/06/2022 (vào 1 tháng 20 ngày), lãi xuất chị Th yêu cầu là 1.7%/ tháng, tại giấy vay tiền không thoả thuận lãi xuất, chị Nh trình bày lãi xuất là 4%/ tháng, do các bên có tranh chấp về lãi xuất và lãi xuất 4%/ tháng vượt quá quy định của pháp luật, nên lãi xuất sẽ được xác định bằng 50% mức lãi xuất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự tại thời điểm trả nợ, cụ thể 10%/ năm (0,83%/ tháng). Số tiền lãi chị Nh phải thanh toán là:

$245.920.000\text{đồng} \times 0,83\% / \text{Tháng} \times 01 \text{ tháng}, 20 \text{ ngày} = 2.041.000\text{đồng} (01 \text{ tháng tiền lãi }) + 1.360.700\text{đồng} (\text{lãi của 20 ngày}) = 3.401.700\text{đồng}.$

Tổng số tiền nợ gốc và lãi chị Nh phải thanh toán cho chị Th là: 249.321.700đồng.

Buộc chị Thân Thị Hồng Nh phải thanh toán cho chị Th, anh Lợi số tiền nợ gốc và lãi là 249.321.700đồng.

[9]. Về án phí: Anh M phải chi án phí ly hôn sơ thẩm, chị Nh phải chịu án dân sự sơ thẩm, chị Th phải chịu án phí DSST phần yêu cầu không được chấp nhận (số tiền yêu cầu không được chấp nhận là 54.080.000đồng), theo quy định tại khoản 1, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016.

[10]. Về đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời quá trình giải quyết chị Th có đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, Toà án có thông báo chị

Th sửa đổi đơn yêu cầu nhưng chị Th không sửa đổi, bổ sung nên Toà án đã ra thông báo không áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo yêu cầu của chị Th.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 45; khoản 1 Điều 51; Điều 53; Điều 55; Điều 81; Điều 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 463; Điều 466 và Điều 469 Bộ luật dân sự. Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 42; Điều 147; **Điều 227;** Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 2 Điều 26; Khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1 .Về quan hệ vợ chồng: Anh Nguyễn Đức M và chị Thân Thị Hồng Nh thuận tình ly hôn

2 . Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Đức M nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Đức Minh T , sinh 01/10/2010; Giao cho chị Thân Thị Hồng Nh nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Bình A , sinh ngày 13/10/2014.

Sau khi ly hôn anh M, chị Nh có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở anh M, chị Nh thực hiện quyền này. Anh M, chị Nh có quyền làm đơn đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

3. Về công nợ: Buộc chị Thân Thị Hồng Nh phải trả cho chị Nguyễn Thị Thanh Th, anh Trần Đức L số tiền 249.321.700đồng. (Hai trăm bốn mươi chín triệu, ba trăm hai mươi một ngàn, bảy trăm đồng), trong đó tiền gốc 245.920.000đồng, tiền lãi 3.401.700đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải trả khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Án phí: Anh Nguyễn Đức M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh M đã nộp theo biên lai thu tiền số 0012779 ngày 06/04/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạng Giang.

Chị Thân Thị Hồng Nh phải chịu 12.466.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị Thanh Th phải chịu 2.704.000đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 7.500.000đồng đồng chịTh đã nộp, chị Th còn được nhận lại số tiền 4.796.000đồng theo biên lai thu tiền số 0012780 ngày 06/04/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạng Giang.

5. Quyền kháng cáo: Anh M, chị Nh, chị Th, anh L có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.
Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lạng Giang;
- THADS huyện Lạng Giang;
- UBND thị trấn V
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Lê Thu Hà

